TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Bảo Trân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Nhật Thành.
Bà Thi Thị Thanh Trúc.
***- Thư ký phiên toà*:** Ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 370/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1978 (có mặt).
Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Năm 2014 chị và anh Huỳnh Văn T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.Qquá trình chung sống anh T có tính đa nghi vô căn cứ, nhiều lần ghen tuông vô cớ rồi đánh đập, nhục mạ chị. Không thể chịu đựng được nên năm 2018 chị đã làm đơn khởi kiện ly hôn nhưng do gia đình anh T năn nỉ cho cơ hội nên chị đã rút đơn lại. Từ khi rút đơn đến nay anh T không hề sửa đổi mà còn ghen tuông vô cớ ngày càng trầm trọng. Gần đây nhất là vào ngày 16/2/2023 anh T kiếm chuyện ghen tuông rồi cầm cán dao đánh tôi gây thương tích, anh T còn dọa sẽ chặt đầu chị và con. Vì quá sợ nên chị đã bỏ nhà đi trốn cùng con. Nay nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, nên chị quyết định ly hôn.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

Về con chung: Huỳnh Bảo T1, sinh ngày 03/7/2017 chị S yêu cầu quyền trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị S xác định không có, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Huỳnh Văn Thi trình bày tại bản tự khai ngày 12/4/2023: Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn nghiêm trọng đến mức phải ly hôn, vấn đề ở đây là do anh có ghen tuông nhưng do thương vợ nên mới ghen và thừa nhận sai khi ghen tuông dẫn đến đánh đập chị. Nay chị S yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý giao con chung Huỳnh Bảo T1, sinh ngày 03/7/2017 cho chị S quyền nuôi dưỡng vì con còn nhỏ.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

* Sau khi thụ lý, Tòa án nhân huyện Châu Thành đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải để các đương sự cơ hội đoàn tụ, thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại các phiên họp, hòa giải hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó Tòa án nhân dân huyện Châu Thành lập biên bản ghi nhận ý kiến các bên và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

* Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ. Trên cơ sở đơn khởi kiện, lời khai, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S, cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Văn T. Con chung tên Huỳnh Bảo T1, sinh ngày 03/7/2017 giao cho chị S quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét. Tài sản chung, nợ chung không có, không tranh chấp nên không xem xét. Ngoài ra vị Kiểm sát viên còn đề nghị về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Huỳnh Văn T, anh T có nơi cư trú tại ấp

G, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đây là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa bị đơn là anh Huỳnh Văn T vào tham gia tố tụng, thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại các Điều 68, 177, 196, 205, 208, 209, 210 và Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên tại các phiên họp, hòa giải hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa vụ án ra xét xử.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Năm 2014 chị Nguyễn Thị S và anh Huỳnh Văn T xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình sống chung chị S trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân do anh T ghen tuông, đánh đập, nhục mạ chị nhiều lần và có lần anh T cầm cán dao đánh chị gây thương tích, nên chị S đã dẫn theo con bỏ nhà đi cho đến nay. Vì mâu thuẫn kéo dài, thời gian ly bỏ mặc nhau, không thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh T.

Xét yêu cầu của chị S cũng như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận. Vì trong quá trình giải quyết Tòa án cũng tiến hành xác minh chính quyền địa phương, được chính quyền địa phương cho biết mấy năm trước chị S và anh T thường xuyên cự cãi, anh T đánh đập chị và sau đó địa phương có làm việc vận động đối với anh T, thời gian gần đây có xảy ra sự việc nghiêm trọng do anh T cầm dao đe dọa và đánh chị S gây thương tích. Sự việc đánh cũng được anh T thừa nhận và anh nhận lỗi do anh thương nên ghen tuông. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của chị S và anh T đã không còn, hai người mâu thuẫn từ năm 2018 đến nay bỏ mặc nhau, không yêu thương giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị S.

[3.2] Về con chung: Huỳnh Bảo T1, sinh ngày 03/7/2017 hiện đang sống cùng S, chị S yêu cầu quyền nuôi con sau ly hôn và anh T cũng thống nhất giao cho chị S quyền nuôi con vì hiện con còn nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T1 cho chị S quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh T xác định không có, không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các ẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị S.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

- Về con chung: Huỳnh Bảo T1, sinh ngày 03/7/2017 giao cho chị Nguyễn Thị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị S không yêu cầu anh Huỳnh Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Huỳnh Văn T xác định không có, không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được cấn trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0008725 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Anh Huỳnh Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Trần Bảo Trân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thi Thị Thanh Trúc **Trần Thị Sang** **Trần Bảo Trân**